TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST Ngày: 27 - 02 - 2018 V/v tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Minh K**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị Diệu H**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Thanh V trình bày: Về hôn nhân, vào năm 2001 ông (Nguyễn Thanh V) và bà Nguyễn Thị Minh K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, ông và bà K nhiều lần tranh cãi dẫn đến đánh nhau. Mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng dẫn đến việc cả hai người không còn chung sống từ tháng 4/2017 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị

Minh K. Về con chung, có 03 người tên là Nguyễn Thị Trà M (giới tính nữ) sinh ngày 23/12/2001, Nguyễn Thị Như Q (giới tính nữ), sinh năm 2003 và Nguyễn Gia B (giới tính nam), sinh ngày 08/02/2016. Ông và bà K thống nhất thỏa thuận giao cả 03 người con chung cho bà K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau và vật dụng trong gia đình trị giá khoảng 50.000.000 đồng, 01 vỏ máy xe. Ông V thống nhất giao lại toàn bộ tài sản chung cho bà K, không yêu cầu chia. Về nợ chung, ông và bà K có nợ tiền hụi của bà Lê Thị Diệu H số tiền là 18.000.000 đồng. Đối với số nợ của bà Đặng Thị K là 8.000.000 đồng nợ riêng của ông. Đối với số nợ của bà H ông V thống nhất tự trả không yêu cầu bà K cùng ông để trả cho bà H, đối với khoản nợ của bà K ông đã trả xong.

Bà Nguyễn Thị Minh K trình bày: Về hôn nhân, bà thống nhất phần trình bày của ông V về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa bà và ông V chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến đánh nhau. Bà và ông V không còn chung sống từ tháng 4/2017 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, bà K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Thanh V. Về con chung đúng là có 03 người như ông V trình bày, bà và ông V thống nhất thỏa thuận giao 03 người con chung cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung đúng như ông V trình bày, bà đồng ý nhận toàn bộ tài sản chung và không yêu cầu hay ý kiến gì khác. Về nợ chung, bà và ông V có nợ tiền hụi của bà Lê Thị Diệu H số tiền là 18.000.000 đồng. Đối với số nợ của bà Đặng Thị K là 8.000.000 đồng nợ riêng của ông V, ông V thừa nhận bà không có ý kiến. Đối với số nợ của bà H, ông V thống nhất tự trả không yêu cầu bà cùng trả cho bà H, đối với khoản nợ của bà K ông V tự trả.

Bà Lê Thị Diệu H trình bày: Bà thống nhất phần trình bày của ông V và bà K là ông V và bà K có tham gia hụi do bà làm chủ, hiện tại còn nợ lại bà số tiền là 18.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này giữa bà và ông V tự thỏa thuận thanh toán, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh V yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bà Lê Thị Diệu H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Diệu H là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, ông V và bà K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông V và bà K thống nhất xác định quá trình chung sống cả hai thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến việc đánh nhau. Cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay mà không thể hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Ông V yêu cầu được ly hôn, bà K thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông V. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông V, bà K không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hôn nhân giữa ông V và bà K đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cả hai không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 03 người con chung là Nguyễn Thị Trà M (giới tính nữ) sinh ngày 23/12/2001, Nguyễn Thị Như Q (giới tính nữ), sinh năm 2003 và Nguyễn Gia B (giới tính nam), sinh ngày 08/02/2016. Con chung hiện đang do bà K nuôi dưỡng. Qua thỏa thuận, ông V thống nhất giao 03 người con chung cho bà K tiếp tục nuôi, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận là phù hợp với nguyện vọng và ý chí của những người con chưa đủ 18 tuổi, con chung đều có nguyện vọng muốn chung sống cùng mẹ, đối với Nguyễn Gia B chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời sự thỏa thuận là không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ để công nhận. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, cả hai thống nhất xác định có tài sản chung bao gồm 01 căn nhà cấp 4 (tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau) và vật dụng sinh hoạt trong gia đình trị giá khoảng 50.000.000 đồng, 01 vỏ máy xe. Qua thỏa thuận, ông V thống nhất giao toàn bộ cho bà K được quyền quản lý sử dụng, định đoạt. Các đương sự tự thỏa thuận được về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xử lý.

[6]. Về nợ chung, cả hai thống nhất trình bày là có tham gia hụi do bà Lê Thị Diệu H làm chủ, hiện tại còn nợ lại bà H số tiền là 18.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này ông V tự nhận trả cho bà H không yêu cầu bà K cùng có trách nhiệm trả. Giữa ông V và bà H tự thỏa thuận thanh toán, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận giữa các đương sự, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà H thì bà H được quyền khởi kiện đối với ông V theo thủ tục chung.

[7]. Quá trình khởi kiện, ông V trình bày có nợ của bà Đặng Thị K, sinh năm 1965; trú tại Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K số tiền là 8.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án triệu tập các đương sự hòa giải thì ông V thừa nhận đây là khoản nợ riêng của ông V, bà K không biết đến khoản nợ này. Từ khi khởi kiện đến khi Tòa án tiến hành hòa giải ông V đã trả xong cho bà K nên không đặt ra xử lý.

[8]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, ông V phải nộp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Minh K là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Minh K, cụ thể như sau: Giao Nguyễn Thị Trà M (giới tính nữ) sinh ngày 23/12/2001, Nguyễn Thị Như Q (giới tính nữ), sinh năm 2003 và Nguyễn Gia B (giới tính nam), sinh ngày 08/02/2016 cho bà Nguyễn Thị Minh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Thanh V đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006855, ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước